

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019.

Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị H, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn T và bà Lê Thị Lệ H phải trả lại phần đất đã lấn chiếm là 33,8m² cho những người thừa kế của ông Phạm Văn N và bà Trần Thị S là: Ông Phạm Văn Á, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị L. Nhưng tại phiên hòa giải ngày 18/9/2019, bà Phạm Thị H chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Nguyễn T và bà Lê Thị Lệ H phải trả lại cho những người thừa kế của ông Phạm Văn N và bà Trần Thị S là ông Phạm Văn Á, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị L phần diện tích đất đã lấn chiếm là 2,6m² theo bản vẽ hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H lập ngày 27/8/2019, bà Phạm Thị H xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 31,2m².

XÉT THẤY:

Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với diện tích đất 31,2m², nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã rút. Nên các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị H, sinh năm 1956; địa chỉ: Số 202 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thuận, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 02/148 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phạm Văn Á, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 148 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Bà Nguyễn Thị H (vợ ông Á), sinh năm 1957; địa chỉ: Số 148 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

3. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 12, kiệt 53 đường P, phường T, thị xã Hương T, tỉnh Thừa Thiên H (đã ủy quyền cho ông Phạm Văn Á).

4. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 146 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

5. Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm 1981(vợ ông T); địa chỉ: Số 02/148 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1943; địa chỉ: Số 144 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

7. Ông Nguyễn A(con bà H), sinh năm 1970; địa chỉ: Số 144 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

8. Ông Nguyễn T (con bà H), sinh năm 1974; địa chỉ: Số 144 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

9. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1941; địa chỉ: Số 144A đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

10. Bà Phạm Thị L (con bà P), sinh năm 1968; địa chỉ: Số 144A đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

11. Anh Nguyễn D, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 144 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

12. Chị Thái Thị Huyền T (vợ anh D), sinh năm 1987; địa chỉ: Số đường 144 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

13. Anh Nguyễn Q, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 04/148 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

14. Chị Lê Thị Thu H (vợ anh Q, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 04/148 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

15. Ông Nguyễn K, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 04/148 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

16. Bà Lê Thị T (vợ ông K), sinh năm 1964; địa chỉ: Số 04/148 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Th và bà Lê Thị Lệ H thỏa thuận trả cho những người thừa kế của ông Phạm Văn N và bà Trần Thị S là: Ông Phạm Văn Á, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị L và bà Phạm Thị L bằng giá trị quyền sử dụng đất là $2,6m^2 \times 9.500.000\text{đồng}/m^2 = 24.700.000$ đồng (Hai mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) vào ngày 18/10/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Tạm giao cho ông Nguyễn T và bà Lê Thị Lệ H diện tích quyền sử dụng đất $2,6m^2$ tại thửa đất số 9, tờ bản đồ số 27, tọa lạc tại 148 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Kích thước, mốc giới được xác định các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6 (Có sơ đồ kèm theo).

+ Ông Nguyễn T và bà Lê Thị Lệ H có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

+ Ông Phạm Văn Á, bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị L (là những người thừa kế của ông Phạm Văn N và bà Trần Thị S) có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí định giá và lập bản vẽ hiện trạng là 3.724.000 đồng. Hai bên tự nguyện thỏa thuận bà Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá và lập bản vẽ là 3.724.000 đồng. Bà Phạm Thị H đã nộp đủ, nay không phải nộp.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút đối với diện tích đất $31,2m^2$, nguyên đơn không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã rút.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu $24.700.000$ đồng $\times 5\% \times 50\% = 617.500$ ồng. Hai bên tự nguyện thỏa thuận bà Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 617.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Phạm Thị H đã nộp là 925.000đồng theo biên lai thu tiền số 007781 ngày 05/3/2019 và 765.000đồng theo biên lai thu tiền số 007841 ngày 22/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Nay bà Phạm Thị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là: $(925.000\text{đồng} + 765.000\text{đồng}) = 1.690.000\text{đồng} - 617.500\text{đồng} = 1.072.500$ đồng (Một triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn